

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NINH HẢI
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2018/DS-ST

Ngày: 26 tháng 01 năm 2018

Về việc: “*Tranh chấp chia tài sản chung là quyền sử dụng đất, Kiện đòi tài sản*”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NINH HẢI-TỈNH NINH THUẬN**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Hằng;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Trọng Minh; Ông Đào Minh Phần

Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Văn Cường – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ninh Hải.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Hải tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Hòa Bình – Kiểm sát viên;

Ngày 26 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ninh Hải xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 30/2017/DS-ST ngày 12 tháng 06 năm 2017 và thụ lý bổ sung số 30a/2017/DS-ST ngày 02/8/2017 về việc “Tranh chấp chia tài sản chung là quyền sử dụng đất và Kiện đòi tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2018/QĐXX-ST ngày 05 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Ông Nguyễn Văn H - Sinh năm 1969 (có mặt);

Địa chỉ: Thôn G, xã H, huyện H, tỉnh N.

- ***Bị đơn:*** Bà Nguyễn Thị Kim D- Sinh năm 1972 (có mặt);

Địa chỉ: Thôn D, xã H, huyện H, tỉnh N.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Nguyễn Thị L - Sinh năm 1947 (có mặt);

Địa chỉ: Thôn D, xã H, huyện H, tỉnh N.

Bà L ủy quyền cho bà D tham gia tố tụng theo văn bản ủy quyền ngày 27/7/2017

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Quá trình tham gia tố tụng Nguyên đơn ông Nguyễn Văn H trình bày: Năm 1993, hộ gia đình ông được Nhà nước giao khoán đất ruộng với diện tích 2.264m² (gồm 02 thửa 444, 445 nay là thửa 439, 458 thuộc tờ bản đồ số 06) tại Đồng Trên xã H, huyện H, tỉnh N. Tại thời điểm giao khoán, hộ gia đình ông có 04 nhân khẩu gồm ông Nguyễn Văn B là cha ruột đã mất năm 2013, bà

Nguyễn Thị L là mẹ ruột, bà Nguyễn Thị Kim D là em ruột và ông. Năm 2008, Nhà nước thu hồi 288m² đất để mở rộng tuyến kênh mương, diện tích đất còn lại là 1.976m². Hiện nay, toàn bộ diện tích trên do bà D canh tác và quản lý. Vì hoàn cảnh không có đất sản xuất nên ông đến gặp bà D yêu cầu chia phần đất của ông được nhận khoán nhưng bà D không đồng ý. Vì vậy Ông yêu cầu được chia 500m² đất ruộng nhận khoán để canh tác. Ông không yêu cầu chia thừa kế đối với phần đất nhận khoán của ông Nguyễn B. Đối với phần đất nhận khoán của bà L, bà cho ai là quyền quyết định của bà, ông không có ý kiến gì.

Quá trình tham gia tố tụng bà Nguyễn Thị Kim D trình bày:

Năm 1993, Nhà nước cấp cho hộ gia đình bà 02 thửa ruộng gồm thửa 445 diện tích 704m² và thửa 444 diện tích 1560m² với tổng diện tích là 2.264m², thuộc tờ bản đồ số 04, thôn D, xã H. Ủy ban nhân dân huyện H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B676139 ngày 18/7/1993 mang tên ông Nguyễn B. Thời điểm cấp đất, hộ gia đình bà gồm 04 người ông Nguyễn B là cha ruột của bà (đã mất năm 2013), Bà Nguyễn Thị L là mẹ ruột, ông Nguyễn Văn H là anh ruột và bà. Năm 2008, Nhà nước thu hồi 288m² để mở rộng tuyến kênh mương nên diện tích còn lại là 1976m². Trước đây do điều kiện hoàn cảnh gia đình khó khăn, nên cha mẹ bà cho người khác thuê 02 thửa ruộng nêu trên và xảy ra tranh chấp và theo bản án phúc thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận cha mẹ bà được nhận lại 02 thửa ruộng. Từ năm 2012 cho đến nay, cha mẹ bà giao cho bà canh tác nhằm giúp bà có thêm nguồn thu nhập để phụng dưỡng cha mẹ già. Ông Nguyễn Văn H là người vô trách nhiệm với cha mẹ bà. Vì vậy bà đề nghị tòa án xem xét để cho bà có quyền sử dụng và định đoạt diện tích đất trên. Mặt khác, bà phải bỏ ra 40.000.000 đồng gồm 15.000.000 đồng theo quyết định của bản án phúc thẩm và 25.000.000 đồng là các chi phí khác để phục vụ cho việc giải quyết tranh chấp đất xảy ra trước đây. Do đó, ông H muốn nhận lại phần đất nhận khoán thì ông H phải trả cho bà 10.000.000 đồng trong tổng số tiền 40.000.000 đồng bà đã vay mượn và chi trả. Bà không yêu cầu chia thừa kế đối với phần đất nhận khoán của ông Nguyễn B.

Quá trình tham gia tố tụng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bà Nguyễn Thị L trình bày:

Năm 1993, Nhà nước cấp cho hộ gia đình bà 02 thửa ruộng gồm thửa 445 diện tích 704m² và thửa 444 diện tích 1560m² với tổng diện tích là 2.264m², thuộc tờ bản đồ số 04, thôn D, xã H. Ủy ban nhân dân huyện H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B676139 ngày 18/7/1993 mang tên ông Nguyễn B. Năm 2008, Nhà nước thu hồi 288m² để mở rộng tuyến kênh mương nên diện tích còn lại là 1976m². Từ khi vợ chồng bà mất khả năng lao động hơn 17 năm

qua, con gái bà Nguyễn Thị Kim D chăm lo và phụng dưỡng chu đáo, riêng con trai bà Nguyễn Văn H không có trách nhiệm gì đối với vợ chồng bà. Ông H còn mượn của bà 02 chỉ vàng y 9999 K mà không chịu trả. Vì vậy từ năm 2012 đến nay bà giao 02 thửa ruộng cho bà D canh tác nhằm giúp bà D có thêm nguồn thu nhập để chăm lo vợ chồng bà mỗi khi ốm đau, bệnh tật và lo ăn uống cho bà hàng ngày. Nay bà đã già yếu, không còn khả năng lao động. Vì vậy bà có nguyện vọng để lại toàn bộ diện tích bà được nhận khoán cho bà D được toàn quyền sử dụng và định đoạt. Đồng thời bà yêu cầu ông Nguyễn Văn H phải trả lại cho bà 02 chỉ vàng y 9999 K. Bà cũng không yêu cầu chia thừa kế đối với phần đất nhận khoán của ông Nguyễn B.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Hải phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử vụ án sơ thẩm. Đối với nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Về nội dung vụ án: Căn cứ vào khoản 29 điều 3 Luật đất đai; Điều 212 Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 5 điều 6 Thông tư 33/2017/TT-BTNMT hướng dẫn Nghị định số 01/2017/NĐ-CP Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, giao lại 500m² diện tích đất trong tổng số 2084m² tại thửa đất 517 (kèm theo trích lục bản đồ địa chính ngày 28/11/2017) tại Đồng Trên, xã H, huyện H, tỉnh N cho ông Nguyễn Văn H. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bà Nguyễn Thị Kim D, buộc ông Nguyễn Văn H phải bồi thường cho bà D 3.750.000 đồng (1/4 tổng 15.000.000 đồng). Bà D được nhận phần đất của bà Nguyễn Thị L trong tổng diện tích đất khoán 2084m². Phần thừa kế của ông Nguyễn B do các đương sự không có yêu cầu nên không giải quyết. Bác yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Thị L vì không có căn cứ chấp nhận. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Kim D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng vì yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận. Ông Nguyễn Văn H phải chịu án phí 187.500 đồng vì yêu cầu phản tố của bà D được chấp nhận một phần. Bà Nguyễn Thị L phải chịu án phí có giá ngạch về hai chỉ vàng y 9999K.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ pháp luật: Tại phiên tòa nguyên đơn yêu cầu chia tài sản chung là quyền sử dụng đất, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan

yêu cầu bị đơn trả lại tài sản. Do đó đủ cơ sở xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “*Tranh chấp chia tài sản chung là quyền sử dụng đất; Kiện đòi tài sản*” được quy định trong Bộ luật dân sự năm 2015 và điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự là phù hợp pháp luật.

[3] Về nội dung vụ án: Tại biên bản xác minh ngày 22/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện H (BL 26); Công văn số 1133 ngày 09/8/2017 của Công an huyện H (BL 28); Công văn số 134/UBND-KT ngày 17/8/2017 của Ủy ban nhân dân xã H (BL 30) và quá trình tham gia tố tụng các đương sự đều thừa nhận: Vào thời điểm năm 1993 Nhà nước giao khoán diện tích đất ruộng 2264m² thửa 444, thửa 445, tờ bản đồ số 04 tọa lạc tại thôn D, xã H, huyện H, hộ ông Nguyễn B gồm 04 nhân khẩu cụ thể : Ông Nguyễn B sinh năm 1947, vợ Nguyễn Thị L, sinh năm 1947, con Nguyễn Văn H sinh năm 1969, con Nguyễn Thị Kim D sinh năm 1972. Hộ ông Nguyễn B được Ủy ban nhân dân huyện H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B676139, ngày 18/7/1993. Đất ruộng được cấp theo bình quân nhân khẩu, đối với địa bàn xã H, mỗi nhân khẩu tại thời điểm được cấp là 500m²/người.

Sau khi nhận khoán ruộng, do điều kiện khó khăn nên ông Nguyễn B và bà Nguyễn Thị L cho ông Diệp Trung Đ thuê ruộng và xảy ra tranh chấp. Năm 2012 ông B và bà L đã nhận lại ruộng để canh tác.

Theo biên bản xác minh của Tòa án nhân dân huyện Ninh Hải và đơn trình bày của ông Nguyễn Văn H có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã H, hộ ông Nguyễn Văn H có hoàn cảnh khó khăn, ông làm nghề bẫy chim, thu nhập không ổn định. Ngoài diện tích đất đang tranh chấp, ông H không còn diện tích đất nào khác để canh tác. Theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 28/11/2017 của Tòa án nhân dân huyện Ninh Hải xác định thửa đất đang tranh chấp thuộc thửa 444, 445 tờ bản đồ số 04 có diện tích 2.264m² nay là thửa 439, 458 tờ bản đồ số 06 có diện tích là 1.976m². Diện tích đất giảm lý do năm 2009 Ủy ban nhân dân huyện H thu hồi 288m² để bồi thường giải phóng mặt bằng xây dựng đê bao ngăn lũ và hệ thống kênh N2 thực hiện dự án đầu tư cơ sở hạ tầng và hệ thống thủy lợi cấp thoát nước mặn, lợ, ngọt phục vụ nuôi trồng thủy sản khu vực Đầm Nại theo quyết định số 4021/QĐ-UBND ngày 07/12/2009 của Ủy ban nhân dân huyện H. Qua kiểm tra thực tế, diện tích đất còn lại là 2084m². Căn cứ theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 28/11/2017 của Tòa án nhân dân huyện Ninh Hải và trích lục bản đồ địa chính ngày 28/11/2017 của Văn phòng đăng ký đất đai huyện H thì thửa đất số 458 tờ bản đồ số 06 tại Hộ Diêm, xã Hộ Hải có diện tích 1541m² có vị trí tứ cận: Đông giáp thửa 483; Tây giáp thửa 439, 450; Nam giáp thửa 482; Bắc giáp mương. Hình thể thửa đất chia tách thành 03 thửa đất vẫn đảm bảo về diện tích đất theo quy định của pháp luật

và đảm bảo điều kiện canh tác. Vì vậy thửa đất số 458 tách thành thửa 517 có diện tích 500m², thửa số 518 có diện tích 500m² và thửa 519 có diện tích 541m².

Xét yêu cầu của ông Nguyễn Văn H yêu cầu được chia 500m² đất trong tổng số 2084m² đất ruộng giáp thửa 482 để canh tác, xét thấy ông Nguyễn Văn H là một nhân khẩu trong số bốn nhân khẩu của hộ gia đình ông Nguyễn Bê vào thời điểm cấp đất. Vì thế đây là tài sản chung của hộ gia đình, ông H được quyền sử dụng một phần đất mà Nhà nước đã giao khoán. Căn cứ nguồn gốc đất, hiện trạng sử dụng đất cũng như nhu cầu sử dụng đất thực tế của các đương sự trong vụ án, xét yêu cầu của ông H là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Qua biên bản định giá ngày 28/11/2017 của Hội đồng định giá xác định giá đất tranh chấp loại đất nông nghiệp trồng lúa thuộc vị trí 02 có giá 28.000 đồng/m² theo quyết định số 106/2014/QĐ-UBND ngày 29/12/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận ban hành bảng giá đất kỳ 2015 - 2019 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.

Hội đồng xét xử sơ thẩm giao cho Nguyễn Văn H được quyền sử dụng Thửa số 517 (Được tách ra từ thửa đất số 458, tờ bản đồ số 06 xã H theo trích lục bản đồ địa chính ngày 28/11/2017 của văn phòng đăng ký đất đai huyện Ninh Hải) diện tích 500 m² đất lúa, có các cạnh ABGK vị trí tứ cận : Cạnh hướng Đông BG giáp thửa 518 có chiều dài 33m; Cạnh hướng Tây AK giáp thửa đất 482 có chiều dài 28.3m; Cạnh hướng Nam KG giáp thửa 483 có chiều rộng 14,1 m; Cạnh hướng Bắc AB giáp thửa 450, có chiều rộng 14,5 m . Tổng trị giá: 500m²x 28.000 đồng/m²= 14.000.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị L được quyền sử dụng Thửa số 519 (Được tách ra từ thửa đất số 458, tờ bản đồ số 06 xã H theo trích lục bản đồ địa chính ngày 28/11/2017 của văn phòng đăng ký đất đai huyện Ninh Hải) diện tích 541 m² đất lúa vị trí tứ cận: Cạnh hướng Đông GH giáp mương có chiều dài 33,4m; Cạnh hướng Tây CI giáp thửa đất 518 có chiều dài 33.1m; Cạnh hướng Nam IH giáp thửa 483 có chiều rộng 16.7 m; Cạnh hướng Bắc CG giáp thửa 439, có chiều rộng 16 m . Tổng trị giá: 541m²x 28.000 đồng/m²= 15.148.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị Kim D được quyền sử dụng Thửa số 439 theo trích lục bản đồ địa chính ngày 28/11/2017 của văn phòng đăng ký đất đai huyện Ninh Hải) diện tích 543 m² đất lúa vị trí tứ cận: Cạnh hướng Đông FG giáp mương có chiều dài 33,6m; Cạnh hướng Tây CD giáp thửa đất 450 có chiều dài 33.1m; Cạnh hướng Nam CG giáp thửa 519 có chiều rộng 16 m; Cạnh hướng Bắc DF giáp thửa 438, có chiều rộng 16.7 m. Tổng trị giá: 543m²x 28.000 đồng/m²= 15.204.000 đồng.

Đối với diện tích 500m² đất của ông Nguyễn B được giao khoán. Ông B chết ngày 13/6/2013 không để lại di chúc, những người thuộc hàng thừa kế của ông B cũng không yêu cầu Tòa án chia thừa kế theo pháp luật di sản do ông B

chết để lại. Hội đồng xét xử giao cho bà D tạm quản lý 500m² đất, khi nào những người thuộc hàng thừa kế của ông B có yêu cầu khởi kiện thì sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

Về yêu cầu phản tố của Bà Nguyễn Thị Kim D yêu cầu ông Nguyễn Văn H muốn nhận phần đất được nhận khoán thì phải trả cho bà 10 triệu đồng trong 40 triệu đồng mà bà đã chi phí để lấy lại phần đất nhận khoán. Xét thấy: Tại bản án phúc thẩm số 09/2012/DS-PT ngày 12/7/2012 của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận giải quyết tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất quyết định “buộc vợ chồng ông Nguyễn B, bà Nguyễn Thị L phải trả lại 4.500.000 đồng cho ông Diệp Trung Đ, Ông Nguyễn B, bà Nguyễn Thị L đồng ý bồi thường cho ông Đ 10.000.000 đồng. Về án phí: Vợ chồng ông Nguyễn B, Nguyễn Thị L phải chịu 500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm”. Tại biên bản lấy lời khai của ông Diệp Trung Đ ngày 19/12/2017, ông Đ trình bày “sau khi xét xử phúc thẩm, ông H chồng bà D có đưa cho ông 14.500.000 đồng. Hai bên có làm giấy giao nhận tiền tại Ủy ban nhân dân xã Hộ Hải, có sự chứng kiến của ông X là địa chính Ủy ban nhân dân xã Hộ Hải”. Tại biên bản lấy lời khai của bà L trình bày: con gái bà đã bỏ tiền ra để chuộc lại phần đất nhận khoán của gia đình. Qua lời trình bày của H cho thấy ông có biết bà D đã bỏ công sức và tiền bạc để nhận lại đất cho gia đình, ông không biết bao nhiêu tiền nhưng ông không quan tâm vì nghĩ rằng bà D là người tự ý lấy đất của gia đình cho người khác, tự nhận tiền chuyển nhượng và tiền bồi thường và bà đã canh tác trên đất trong một thời gian dài nên ông không đồng ý hoàn trả lại cho bà D 10.000.000 đồng. Từ các căn cứ trên thấy rằng số tiền 15.000.000 đồng mà bà D đã bỏ ra để lấy lại đất cho gia đình là cơ sở chấp nhận nên ông H phải có trách nhiệm chịu ¼ số tiền trong tổng số 15.000.000 đồng để hoàn trả cho bà D, cụ thể buộc ông H phải trả cho bà D 3.750.000 đồng. Đối với 25.000.000 đồng là các chi phí khác nhưng không có hóa đơn, chứng từ chứng minh nên không có cơ sở chấp nhận.

Xét yêu cầu của bà L yêu cầu ông H phải trả cho bà 2 chỉ vàng y 9999K, xét thấy: Qua biên bản lấy lời khai, bà cho rằng vì là mẹ con với nhau nên cho ông H mượn 02 chỉ vàng y 9999k, nhưng bà không có giấy tờ hoặc các căn cứ khác để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình. Ngoài ra ông H không thừa nhận đã mượn vàng của bà. Xét yêu cầu của bà không có căn cứ nên hội đồng không chấp nhận. Đối với diện tích 541m² đất bà Nguyễn Thị L được chia tài sản chung của hộ gia đình, Bà L tặng cho bà D phần tài sản bà được chia là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Bà D đồng ý nhận diện tích 541m² đất bà L tặng cho bà D.

Về chi phí định giá: Ông Nguyễn Văn H yêu cầu bà Nguyễn Thị Kim D phải chịu ½ số tiền định giá. Do ông Nguyễn Văn H đã nộp tạm ứng chi phí định

giá tài sản 3.000.000 đồng, nên buộc bà Nguyễn Thị Kim D phải hoàn trả cho ông Nguyễn Văn H 1.500.000 đồng.

Về án phí: Ông Nguyễn Văn H phải chịu 700.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, cách tính $(14.000.000 \times 5\%)$ đối với phần tài sản chung được chia của hộ gia đình. Do chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bà D về việc buộc ông H hoàn trả chi phí nên Ông Nguyễn Văn H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm

Bà Nguyễn Thị Kim D phải chịu án phí 1.518.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (cách tính $15.204.000 + 15.148.000 = 30.352.000 \times 5\%$) đối với phần tài sản chung bà D được chia và phần bà L tặng cho).

Bà Nguyễn Thị Kim D phải chịu 1.250.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu 25.000.000 đồng mà tòa án không chấp nhận (cách tính $25.000.000 \times 5\%$).

Bà Nguyễn Thị L phải chịu 358.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu mà Tòa án không chấp nhận (cách tính $3.580.000 \times 2 \times 5\%$)

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Căn cứ vào khoản 29 điều 3 Luật đất đai; Điều 207, 209, 212, 218, 219, 220 Bộ luật Dân sự 2015; điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

*** Tuyên xử:**

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn H

Giao cho Nguyễn Văn H được quyền sử dụng thửa số 517 (Được tách ra từ thửa đất số 458, tờ bản đồ số 06 xã H theo trích lục bản đồ địa chính ngày 28/11/2017 của văn phòng đăng ký đất đai huyện H) diện tích 500 m² đất lúa, có các cạnh ABGK vị trí tứ cận: Cạnh hướng Đông BG giáp thửa 518 có chiều dài 33m; Cạnh hướng Tây AK giáp thửa đất 482 có chiều dài 28.3m; Cạnh hướng Nam KG giáp thửa 483 có chiều rộng 14,1 m; Cạnh hướng Bắc AB giáp thửa 450, có chiều rộng 14,5 m .

Bà Nguyễn Thị Kim D được quyền sử dụng Thửa số 439 theo trích lục bản đồ địa chính ngày 28/11/2017 của văn phòng đăng ký đất đai huyện Ninh Hải) diện tích 543 m² đất lúa vị trí tứ cận: Cạnh hướng Đông FG giáp thửa có chiều dài 33,6m; Cạnh hướng Tây CD giáp thửa đất 450 có chiều dài 33.1m; Cạnh hướng Nam CG giáp thửa 519 có chiều rộng 16 m; Cạnh hướng Bắc DF giáp thửa 438, có chiều rộng 14.1 m và được quyền sử dụng Thửa số 519 (Được

tách ra từ thửa đất số 458, tờ bản đồ số 06 xã H theo trích lục bản đồ địa chính ngày 28/11/2017 của văn phòng đăng ký đất đai huyện Ninh Hải) diện tích 541 m² đất lúa vị trí tứ cận: Cạnh hướng Đông GH giáp nương có chiều dài 33,4m; Cạnh hướng Tây CI giáp thửa đất 518 có chiều dài 33.1m; Cạnh hướng Nam IH giáp thửa 483 có chiều rộng 16.7 m; Cạnh hướng Bắc CG giáp thửa 439, có chiều rộng 16 m (do bà Lài tặng cho).

Tạm giao cho bà Nguyễn Thị Kim D quản lý 500m² đất lúa thuộc Thửa số 518 (Được tách ra từ thửa đất số 458, tờ bản đồ số 06 xã Hộ Hải theo trích lục bản đồ địa chính ngày 28/11/2017 của văn phòng đăng ký đất đai huyện Ninh Hải) vị trí tứ cận: Cạnh hướng Đông CI giáp thửa 519 có chiều dài 33,1m; Cạnh hướng Tây BG giáp thửa đất 517 có chiều dài 33.0m; Cạnh hướng Nam GI giáp thửa 483 có chiều rộng 14.7 m; Cạnh hướng Bắc BC giáp thửa 450, có chiều rộng 15.4 m. Khi nào những người thuộc hàng thừa kế của ông B có yêu cầu khởi kiện thì sẽ giải quyết bằng vụ án khác. Thửa đất số 517, 518, 519 hiện nay bà Nguyễn Thị Kim D đang quản lý.

-Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bà Nguyễn Thị Kim D. Buộc ông Nguyễn Văn H có nghĩa vụ trả lại cho bà D 3.750.000 đồng.

- Không chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Thị L buộc ông Nguyễn Văn H phải trả 02 chỉ vàng y 9999K.

Về chi phí định giá: Bà Nguyễn Thị Kim D phải hoàn trả lại cho ông Nguyễn Văn H 1.500.000 đồng tiền chi phí định giá.

Về án phí: Ông Nguyễn Văn H phải chịu 1.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Nhưng được khấu trừ vào 3.500.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0011890 ngày 08/6/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H, hoàn trả lại cho ông Nguyễn Văn H 2.500.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị Kim D phải chịu 2.768.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0011959 ngày 02/8/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H. Bà D phải nộp thêm 2.468.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị L phải chịu 358.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào 200.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0011960 ngày 02/8/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ninh Hải. Bà L phải nộp thêm 158.000 đồng

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành án thì phải chịu lãi đối với số tiền chậm thi hành

án theo lối suất quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm thi hành án tại thời điểm thanh toán.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án sơ thẩm xử công khai, có mặt nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

(Kèm theo trích lục bản đồ địa chính ngày 28/11/2017 của Văn phòng đăng ký đất đai huyện Ninh Hải).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND huyện Ninh Hải;
- Chi cục THADS huyện Ninh Hải;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Trần Thị Thu Hằng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thu Hằng

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND huyện Ninh Hải;
- Chi cục THADS huyện Ninh Hải;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

Trần Thị Thu Hằng